TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-TCDS	*Quảng Bình, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2021/TLST-TCDS ngày 23 tháng 12 năm 2021,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Ai D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Hồ Ai D và bà Ngô Thị H thỏa thuận: Diện tích đang tranh chấp 673m^2 nằm trong tổng diện tích 3561m^2 tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 18, mục đích sử dụng đất có rừng trồng sản xuất, được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 987261 ngày 13 tháng 7 năm 2009 mang tên hộ bà Cao Thị T và ông Hồ Ai D. Hai bên đương sự thống nhất chia diện tích tranh chấp 673m^2 theo hiện trạng sử dụng, có cắm mốc ranh giới bằng sơn đỏ và trích xuất điểm tọa độ; Bà Ngô Thị H và ông Võ Văn T được sử dụng 308,2m^2, có kích thước: Phía Tây Bắc giáp Đất UBND xã Trường Sơn quản lý kích thước 46,35m; phía Tây Nam giáp Đất UBND xã Trường Sơn quản lý kích thước 6,72 m; phía Đông + Đông Nam giáp đất rừng của ông Hồ Ai D kích thước 14,56 m + 14,95m + 11,20m + 11,63m (diện tích này là đất khai hoang của bà H, ông T từ năm 2003 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tổng diện tích ông Hồ Ai D được quyền quản lý, sử dụng còn lại: 3252,8m^2 tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 18 được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 987261 ngày 13 tháng 7 năm 2009 mang tên hộ bà Cao Thị T và ông Hồ Ai D. (Tọa độ, kích thước các điểm cụ thể và diện tích đất phân chia có sơ đồ của Chi nhánh văn phòng quản lý đất đai huyện Q kèm theo).

Hộ ông Hồ Ai D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều

chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị H về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 987261 ngày 13 tháng 7 năm 2009 mang tên hộ bà Cao Thị T và ông Hồ Ai D tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 18, diện tích 3561m^2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Hồ Ai D và bà Ngô Thị H thỏa thuận mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí ông Hồ Ai D phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0003757 ngày 27 tháng 10 năm 2021; ông Hồ Ai D được nhận lại 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Số tiền án phí bà H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0003772 ngày 02 tháng 12 năm 2021; bà Ngô Thị H được nhận lại 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 156 và Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 5.000.000 (năm triệu đồng); Ông Hồ Ai D và bà Ngô Thị H thỏa thuận mỗi người phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ông D, bà H đã nộp mỗi người 4.000.000 (bốn triệu đồng); trả lại cho ông D 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), trả lại cho bà H 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn